

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2022
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Hoàng Hồ**

2- Bà **Phạm Thị Lan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 202/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1966. (*Có mặt*)

2. *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị P**, sinh năm 1967. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp MT, xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn H trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Ông và bà P quen biết, yêu thương nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, được sự thống nhất của gia đình hai bên ông và bà P có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào tháng 10 năm 1987 nhưng không có đăng ký kết

hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, vợ chồng thường hay cự cãi với nhau về nhiều vấn đề nhưng không giải quyết được. Ông và bà P đã ly thân với nhau hơn 05 năm nay, không còn quan tâm lẫn nhau. Vì vậy ông yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông và bà P có 03 người con chung tên Nguyễn Thị C D, sinh ngày 01/11/1990, Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/01/1992 và Nguyễn Thị C T, sinh ngày 24/5/1996. Các con đã trưởng thành lập gia đình và ra sinh sống riêng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông tự thỏa thuận với bà P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Bùi Thị P trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H yêu thương nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào tháng 10 năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đúng như ông H trình bày. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông H không có xảy ra mâu thuẫn gì. Ông H thường bỏ nhà đi khoảng 02-03 tháng mới về nhà rồi tiếp tục bỏ đi, khi ông H về nhà bà cũng có than phiền nhưng vẫn chấp nhận chung sống với ông H. Hiện nay ông H cất nhà ở riêng, sống với người con trai còn bà thì ở một mình. Vợ chồng đã lớn tuổi, bà muốn vợ chồng chung sống để chăm sóc nương tựa lẫn nhau lúc về già. Nếu ông H kiên quyết muốn ly hôn thì bà cũng đồng ý.

- Về con chung: Bà và ông H có 03 người con chung tên Nguyễn Thị C D, sinh ngày 01/11/1990, Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/01/1992 và Nguyễn Thị C T, sinh ngày 24/5/1996. Các con đã trưởng thành lập gia đình và ra sinh sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Khi ly hôn, bà đồng ý tự thỏa thuận giải quyết với ông H về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể là ông H yêu cầu được ly hôn với bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Bùi Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông H và bà P thống nhất xác định vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào tháng 10 năm 1987, từ khi chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của ông H và bà P không được pháp luật công nhận.

Tại phiên hòa giải ngày 15/12/2022, mặc dù giữa ông H và bà P thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng do ông H và bà P không đăng ký kết hôn nên Tòa án không thể công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà P.

- Về con chung: Ông H và bà P có 03 người con chung tên Nguyễn Thị C D, sinh ngày 01/11/1990, Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/01/1992 và Nguyễn Thị C T, sinh ngày 24/5/1996. Các con đã trưởng thành lập gia đình và ra sinh sống riêng. Ông H và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung: Ông H và bà P thống nhất là để tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận mà không đề cập xem xét.

- Về nợ chung: Ông H và bà P xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003459 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, Ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ tiền án phí vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị P.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, ông H và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông H và bà P thống nhất tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông H và bà P xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003459 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/12/2022), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã An Minh Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh